

Số: 23 /QĐ-TTTP

Biên hòa, ngày 08 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện thu – chi ngân sách
quý 2 năm 2024 của Thanh tra thành phố Biên Hòa

CHÁNH THANH TRA THÀNH PHỐ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3310/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 2 năm 2024 của Thanh tra thành phố Biên Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Toàn bộ cán bộ, công chức cơ quan Thanh tra thành phố thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
 - UBND thành phố (báo cáo);
 - Phòng TCKH thành phố;
 - Phòng VH TT;
 - Lưu: VT.
- (K.Trang)

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Kim Bích Huyền

Biên Hòa, ngày 08 tháng 7 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 2 NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung
Thanh tra thành phố công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 2 năm 2024 như
ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 2 năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 2 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
I	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				

III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
I	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính	2.517.462.600	687.107.023	27,29	76,15
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.318.562.600	675.107.023	29,12	73,07
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	198.900.000	12.000.000	6,03	100,00

Ngày 08 tháng 7 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Nguyễn Kim Bích Huyền

Mã chương: 637

Đơn vị: THANH TRA THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Mã DVQHNS: 1063809

Mã cấp NS: 3

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/BVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 2 / Năm 2024

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	341	00000	0	198.900.000	0	198.900.000	198.900.000	0	12.000.000	0	0	0	186.900.000
13	341	00000	14.562.600	2.304.000.000	0	2.304.000.000	2.318.562.600	675.107.023	1.152.565.593	0	0	0	1.165.997.007
Cộng:			14.562.600	2.502.900.000	0	2.502.900.000	2.517.462.600	675.107.023	1.164.565.593	0	0	0	1.352.897.007

Phần KBNN ghi:

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 1 tháng 7 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Trương Thị Kim Oanh

Người ký: Trần Thị Lan
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: VP KBNN Đồng Nai

Trần Thị Lan

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 7 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Thị Kiều Trang
Ngày ký: 01/07/2024 09:58:53
Đơn vị: THANH TRA THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Nguyễn Thị Kiều Trang

Người ký: Nguyễn Kim Bích Huyền
Ngày ký: 01/07/2024 10:00:14
Đơn vị: THANH TRA THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Nguyễn Kim Bích Huyền

Mã chương: 637
Đơn vị: THANH TRA THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
Mã DVQHNS: 1063809
Mã cấp NS: 3

Người ký: Trần Thị Lan
Ngày ký: 01/07/2024 10:37:33
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: VP KERN Đồng Nai
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chứng xác nhận số dư

Mẫu số 20c
Ký hiệu: 02a-SDKP/DVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 2 /Năm 2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Chi khác	12	341	6449	00000	0	0	0	12.000.000	0	12.000.000
Lương theo ngạch, bậc	13	341	6001	00000	0	0	230.472.000	448.956.000	230.472.000	448.956.000
Phụ cấp chức vụ	13	341	6101	00000	0	0	7.020.000	14.940.000	7.020.000	14.940.000
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	341	6113	00000	0	0	1.080.000	2.160.000	1.080.000	2.160.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	341	6115	00000	0	0	15.317.100	30.634.200	15.317.100	30.634.200
Phụ cấp đặc biệt khác của ngành	13	341	6116	00000	0	0	42.438.600	80.611.200	42.438.600	80.611.200
Phụ cấp công vụ	13	341	6124	00000	0	0	59.373.000	115.749.000	59.373.000	115.749.000
Chi khác	13	341	6299	00000	0	0	50.873.760	84.637.760	50.873.760	84.637.760
Bảo hiểm xã hội	13	341	6301	00000	0	0	44.241.594	86.542.788	44.241.594	86.542.788
Bảo hiểm y tế	13	341	6302	00000	0	0	7.584.273	14.835.906	7.584.273	14.835.906
Kinh phí công đoàn	13	341	6303	00000	0	0	5.056.182	9.890.604	5.056.182	9.890.604
Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chịu	13	341	6404	00000	0	0	130.550.000	130.550.000	130.550.000	130.550.000
Chi khác	13	341	6549	00000	0	0	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000
Văn phòng phẩm	13	341	6551	00000	0	0	10.390.162	17.476.461	10.390.162	17.476.461
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	13	341	6552	00000	0	0	0	14.700.000	0	14.700.000
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	13	341	6601	00000	0	0	45.012	97.734	45.012	97.734

Cước phí bưu chính	13	341	6603	00000	0	0	4.209.762	4.209.762	4.209.762	4.209.762
Thuế bao kênh vệ tinh; thuế bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuế đường truyền mạng	13	341	6605	00000	0	0	3.434.720	4.578.720	3.434.720	4.578.720
Khoản công tác phí	13	341	6704	00000	0	0	16.500.000	32.000.000	16.500.000	32.000.000
Thuế phương tiện vận chuyển	13	341	6751	00000	0	0	1.080.000	1.080.000	1.080.000	1.080.000
Thuế thiết bị các loại	13	341	6754	00000	0	0	3.783.090	3.783.090	3.783.090	3.783.090
Thuê lao động trong nước	13	341	6757	00000	0	0	7.500.000	11.540.000	7.500.000	11.540.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	341	6912	00000	0	0	450.000	5.540.000	450.000	5.540.000
Tài sản và thiết bị văn phòng	13	341	6913	00000	0	0	3.693.600	3.693.600	3.693.600	3.693.600
Chi các khoản phí và lệ phí	13	341	7756	00000	0	0	96.800	169.400	96.800	169.400
Chi các khoản khác	13	341	7799	00000	0	0	7.567.368	11.839.368	7.567.368	11.839.368
Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin truyền, liên lạc; chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy	13	341	7854	00000	0	0	350.000	350.000	350.000	350.000
Cộng:					0	0	675.107.023	1.164.565.593	675.107.023	1.164.565.593
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 1 tháng 7 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Trương Thị Kim Oanh

Người ký: Trần Thị Lan
Ngày ký: 01/07/2024 (07:33)
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: VP KBNN Đặng Sui

Trần Thị Lan

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 7 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Thị Kiều Trang
Ngày ký: 01/07/2024 (08:00)
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: TRƯỞNG TRƯA THANH PHỐ ĐIỂN HÒA

Người ký: Nguyễn Kim Bích Huyền
Ngày ký: 01/07/2024 (08:00)
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: TRƯỞNG TRƯA THANH PHỐ ĐIỂN HÒA

Nguyễn Thị Kiều Trang

Nguyễn Kim Bích Huyền